| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG RIỀNG**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 9/5/2019
V/v "*Tranh chấp ly hôn, về nuôi con chung* "

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cá***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Bà Nguyễn Thị Chuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Ngọc Lợi

Bà Trần Ngọc Điệp

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng*** : Không tham gia phiên Tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 107/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2019 vụ tranh chấp "Ly hôn, về nuôi con chung " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2019, giữa :

*Nguyên đơn*: Anh Lê Chí T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp Thạnh L, xã Thạnh L, huyện G, tỉnh K (có mặt).

*Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1976; Địa chỉ: ấp Thạnh L, xã Thạnh L , huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2019 và trong quá trình xét xử , nguyên đơn anh Lê Chí T trình bày: Anh và chị H trước khi lấy nhau do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1999, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh L c, huyện G, tỉnh K. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, quan điểm và cách sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh vì thương vợ con đã hàn gắn rất nhiều lần nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Anh ra ngoài thuê nhà trọ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc , hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H .

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung tên Lê Mộng K, sinh ngày 18/4/2001 và Lê Văn Minh L, sinh ngày 29/10/2015, hiện

đang sống chung chị H. Con theo ai thì người đó nuôi, nếu chị H nuôi con thì anh sẽ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 29/3/2019 chị Nguyễn Thị H trình bày: Do chị và anh T sống không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, chị nghi ngờ anh T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên và hàn gắn cuộc sống vợ chồng nhưng anh T không sửa đổi, chị hiện nay còn thương chồng con muốn anh T trở về cùng sống chung và nuôi dạy con cái, không đồng ý ly hôn. Về con chung có 02 đứa, chị xin được nuôi hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài chung, nợ chung: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án , kết quả hỏi tại phiên Tòa Hội đồng xét xử nhận định:***

[1]. Về tố tụng : Anh Lê Chí T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp "Ly hôn, về nuôi con chung" giữa anh và chị H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng chị H cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của chị H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị H.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Lê Chí T và chị Nguyễn Thị H trước khi lấy nhau không có tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lc, huyện G, tỉnh K nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã không tự hòa giải được những mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, chị H cho rằng anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng chị không đưa ra chứng cứ chứng minh anh T ngoại tình. Trong quá trình chung sống chị H cũng thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người đó sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa hôm nay anh T cương quyết xin ly hôn đối với chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở lâu dai bền vững, vợ chồng phải quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nhưng anh T và chị H xác định vợ chồng mạnh ai người đó sống nên xét thấy hôn nhân của anh chị đã ở tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho anh Lê Chí T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

{2.2} Về con chung: Anh Tánh và chị H xác định có hai người con chung tên Lê Mộng K, sinh ngày 18/4/2001 và Lê Văn Minh L, sinh ngày 29/10/2015, hiện đang sống chung chị H. Anh T xin được giao con chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh

cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật, tại biên bản hòa giải ngày 02/4/2019 chị H cũng yêu cầu được nuôi hai con. Hội đồng xét xử thấy rằng anh T và chị H xác định hai cháu K và L là con chung của anh chị. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử thì cháu Lê Mộng K đã trên 18 tuổi (trưởng thành) nên không giải quyết. Còn đối với cháu L kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay cháu L ở với chị H, chị vẫn chăm sóc và nuôi dưỡng cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần, chị H cũng có yêu cầu được nuôi con nên thống nhất giao cháu Lê Văn Minh L, sinh ngày 29/10/2015 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Theo quy định tại khoản 02 Điều 82 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu L trưởng thành. Mặc dù, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nhưng anh T đã tự nguyện nên cần được ghi nhận. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 09/5/2019.

Anh T có quyền đến thăm nom , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung , không ai được cản trở.

{2.3} Về tài sản chung: Không có.

{2.4} Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 7538 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh T phải nộp án phí cấp dưỡng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:*

**1. Về hôn nhân :** Xử chấp nhận cho anh Lê Chí T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

**2. Về con chung: X**ử giao cháu Lê Văn Minh L, sinh ngày 29/10/2015 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật). Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 09/5/2019.

Anh T có quyền đến thăm nom , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung , không ai được cản trở.

**3. Về án phí**: Án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 7538 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh T phải nộp áp phí cấp dưỡng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; anh Tánh được tính kể ngày tuyên án (09/5/2019). Chị H được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Chuyên**

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đ- ơng sự;
- L- u;